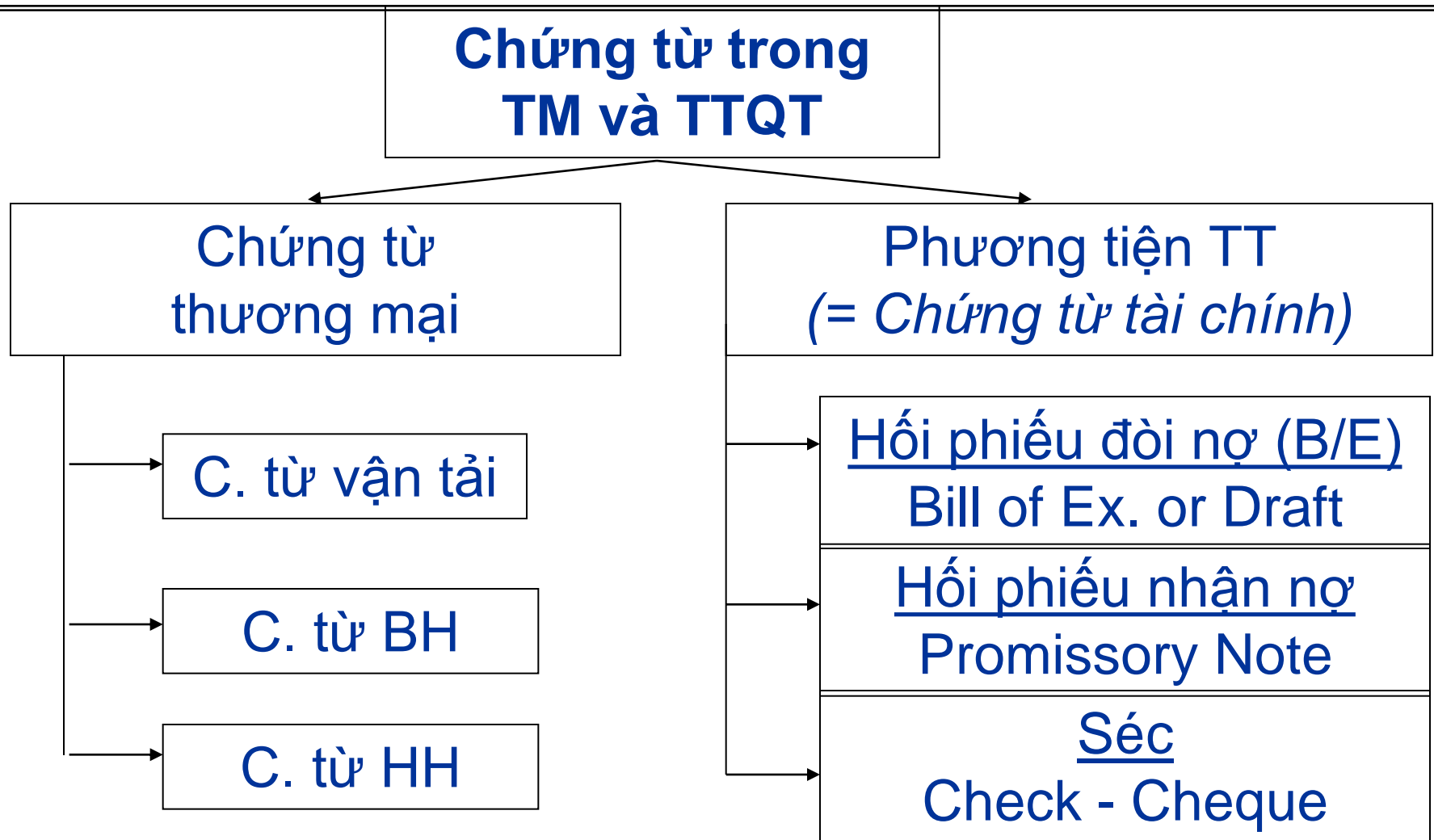

Bài 4

PHƯƠNG TIỆN THANH TOÁN QUỐC TẾ (PAYMENT INSTRUMENTS)

1. TỔNG QUAN



1. TỔNG QUAN

(1) Phương tiện TT là gì?

Thứ có sẵn để: Chi trả, thanh toán...

→ L/C, uỷ nhiệm thu, uỷ nhiệm chi có là PT TT?

(2) Hãy kể tên các PT TT Bạn biết?

(3) Hiện tại Bạn có những phương tiện TT nào?

(4) So sánh PT TT nội địa và quốc tế?

2. HỒI PHIẾU ĐÒI NỢ – Quá trình...

2.1. Quá trình hình thành và phát triển

- Vào thế kỷ thứ 12 người ta bắt đầu bán hàng chịu.
- Phát sinh giấy nhận nợ - hồi phiếu nhận nợ.
- Đến thế kỷ thứ 16 hồi phiếu đòi nợ (gọi là hồi phiếu) được dùng phổ biến.

2. HỒI PHIẾU ĐÒI NỢ – Quá trình...

- Cơ sở hình thành hồi phiếu là tín dụng thương mại.
- Tại sao phải **chứng chỉ hóa** và **luật hóa** hồi phiếu?
- Tại sao phải có **luật quốc tế** về hồi phiếu?
- Những nước tham gia ULB 1930?
- Luật về Các công cụ chuyển nhượng của Việt Nam?

Có hiệu lực 1/7/2006

2. HỒI PHIẾU ĐÒI NỢ– Khái niệm và các bên

2.2. Khái niệm và các bên tham gia

Khái niệm: *Hồi phiếu đòi nợ là giấy tờ có giá do người ký phát lập, yêu cầu người bị ký phát thanh toán vô điều kiện một số tiền xác định khi có yêu cầu hoặc vào một thời điểm nhất định trong tương lai.*

@ ULB 1930 không đưa ra khái niệm về B/E.

@ Về tên gọi: + Tiếng Anh? + Tiếng Việt?

2. HỒI PHIẾU ĐÒI NỢ– Khái niệm và các bên

Các bên tham gia:

1/ *Drawer*: Người ký phát.

- Vai trò là chủ nợ.
- Người lập phiếu.

2/ *Drawee*: Người bị ký phát hay người phải trả tiền

- Vai trò là con nợ.

2. HỒI PHIẾU ĐÒI NỢ – Khái niệm và các bên

3/ *Acceptor*: Người chấp nhận.

- Vai trò là con nợ.
- Bất kỳ Drawee nào đều là *Acceptor*; và ngược lại?

4/ *Beneficiary (Holder or Bearer)*: Người hưởng lợi.

- Đích danh.
- Người nhận chuyển nhượng.
- Người nắm giữ B/E vô danh.

@ Người ký phát có thể là *Beneficiary*?

@ Ai là người chỉ định *Beneficiary*? @ Phân biệt “Cầm”?

2. HỒI PHIẾU ĐÒI NỢ - Khái niệm và các bên

5/ *Endorser or Assignor*: Người chuyển nhượng.

- Ai là người chuyển nhượng? (*Beneficiary*).
- Chuyển nhượng cái gì? (cơ học hay pháp lý?)
- Tại sao người chuyển nhượng gọi là người ký hậu?

6/ *Avaliseur (guarantor)*: Người bảo lãnh

- @ Trách nhiệm của người bảo lãnh?
- @ Guarantor có thể Drawer or Drawee?
- @ Hình thức BL?

2. HỎI PHIẾU ĐÒI NỢ – Nội dung bắt buộc

2.4. Những nội dung bắt buộc của B/E

@ Hình thức B/E phải như thế nào?

@ Hình mẫu có quyết định giá trị pháp lý của B/E?

@ Tại sao phải QĐ những nội dung bắt buộc của B/E?

→ Vì B/E là chứng chỉ có giá và được lưu thông.

Những nội dung bắt buộc gồm:

2. HỒI PHIẾU ĐÒI NỢ - Mẫu hồi phiếu

BILL OF EXCHANGE (1)

No:.....

For:..... (2), (7)

At..... (4) ...sight of this **first** Bill of Exchange (second of the same tenor and dated being unpaid) Pay to the order of..... (6)the sum of..... (2)

To:..... (3) (name and address of Drawer)

..... (signature).....

..... (5) (8)

2. HỎI PHIẾU ĐÒI NỢ - Những nội dung bắt buộc

1. Phải có chữ B/E ghi trên mặt trước chứng từ.

- Để nhận biết về mặt hình thức ch.từ có là B/E không.
- Ghi bằng thứ tiếng lập B/E.
- Tiếng Anh? Tiếng Việt?

2. Lệnh TT or chấp nhận TT vô ĐK 1 số tiền nhất định.

- Đối với người ký phát.
- Đối với người trả tiền.
- Về số tiền TT (ULB 1930, VN, TQ, ISBP,...)

2. HỒI PHIẾU ĐÒI NỢ - Những nội dung bắt buộc

3. Tên và địa chỉ của người bị ký phát.

- Ứng trước, ghi sổ, chuyển tiền và Nhờ thu: Người NK
- L/C: Ngân hàng PH L/C
- Quan hệ vay mượn: Người đi vay (con nợ).
- Trách nhiệm của người bị ký phát?

2. HỒI PHIẾU ĐÒI NỢ - Những nội dung bắt buộc

Bill of Exchange

```
graph TD; A[Bill of Exchange] --> B["(1) At Sight B/E"]; A --> C["(2) Time B/E"]; C --> D["1. X days after sight"]; C --> E["2. X days after signed"]; C --> F["3. X days after invoice date"]; C --> G["4. X days after B/L date"]; C --> H["5. On a Fixed Future date"];
```

(1) At Sight B/E

(2) Time B/E

4. Thời hạn TT B/E → →

1. → X days after sight
2. → X days after signed
3. → X days after invoice date
4. → X days after B/L date
5. → On a Fixed Future date

2. HỎI PHIẾU ĐÒI NỢ - Những nội dung bắt buộc

5. Địa điểm TT:

- Nếu không thể hiện thì TT ở đâu?
- Nếu có, phải ghi cụ thể, rõ ràng.
- Tại sao thường là NH tại đó người trả tiền có TK).

6. Tên và địa chỉ của người thụ hưởng:

- Các phương án chỉ định người thụ hưởng?
 - + Đích danh (thế nào là đích danh?).
 - + Theo lệnh (các phương án ghi theo lệnh?).
 - + Vô danh (các phương án vô danh?).

2. HỒI PHIẾU ĐÒI NỢ - Những nội dung bắt buộc

@ Tại sao thường là Ngân hàng phục vụ nhà XK?

@ Hối phiếu không ghi tên người thụ hưởng (để trống)?

= To Bearer.

7. Ngày tháng và nơi phát hành B/E:

- Phải ghi cụ thể nơi PH (luật điều chỉnh).

- Nếu không ghi, thì địa chỉ người ký phát là nơi PH.

- B/E không ghi nơi PH và cũng không có địa chỉ của người PH?

- Ngày ký phát B/E là bắt buộc?

2. HỎI PHIẾU ĐÒI NỢ - Những nội dung bắt buộc

8. Tên, địa chỉ và chữ ký của người ký phát:

- Có phải ai cũng được ký phát B/E?
- Địa chỉ của người ký phát là bắt buộc?



Ngoài 8 nội dung bắt buộc nêu trên, Drawer có thể điền thêm 1 số nội dung có tác dụng cung cấp thông tin liên quan đến việc tạo lập B/E. Các nội dung này không bắt buộc phải thể hiện, nhưng có thể ghi thêm và chúng chỉ có tác dụng là thông tin tham chiếu, hướng dẫn Drawee, chúng không là căn cứ để trả tiền, để từ chối B/E..

2. HỒI PHIẾU ĐÒI NỢ – Lu ☐

Nội dung điền thêm thường là:

a/ “Drawn under.....”

Nếu là B/E trong phương thức nhờ thu, thì thường là:

- Drawn under invoice(s) No(s).....dated.....
- Drawn under sales contract No.....dated.....

Nếu là hồi phiếu trong phương thức L/C, thì thường là:

- Drawn under L/C No.:.....
dated/wired.....
issued by.....

2. HỎI PHIẾU ĐÒI NỢ – Lu ☐

- Drawn under confirmed/irrevocable L/C No.....
dated/wired.....
issued by.....

b/ Value received as per our invoice(s) No(s):.....
dated.....

➔ Do chỉ có tính chất là thông tin, nên các nội dung này người ta không chú trọng và điền một cách tùy tiện, không chính xác.

2. HỎI PHIẾU ĐÒI NỢ – Lu ☐

- Ví dụ, người ký phát có thể điền:
- @ "*Drawn under Issuing Bank*" ?
- @ "*Drawn under Drawee*"
- Điền như vậy là không chính xác, nhưng không vì thế mà hối phiếu bị từ chối.

@ ĐÚNG – SAI? (1)

BILL OF EXCHANGE

No.: 1020/NH

Hanoi, 20th of December 2007

For: USD 1,000.00

At 90 days sight of this **first** Bill of Exchange (second of the same tenor and date being unpaid) Pay to the order of BANK FOR FOREIGN TRADE OF VIETNAM the sum of United State Dollars one thousand only.

Drawn under: Citibank New York (as Issuing Bank)

irrevacable L/C No: 243HD/XZ

wired 12th of November 2007

To: Citibank New York

Export Company 12 Ngo Quyen, Hanoi

USA

Manager

@ ĐÚNG – SAI? (2)

BILL OF EXCHANGE

No.: 1020/NH

Hanoi, 20th of December 2007

For: USD 1,000.00

At 90 days sight of this **first** Bill of Exchange (second of the same tenor and date being unpaid) Pay to the order of BANK FOR FOREIGN TRADE OF VIETNAM the sum of United State Dollars one thousand only.

***Drawn under:** XYZ Co., the Applicant.*

***irrevacable L/C No:** 243HD/XZ*

***wired** 12th of November 2007*

To: Citibank New York
USA as Issuing bank

Export Company 12 Ngo Quyen, Hanoi
Manager

@ ĐÚNG - SAI? (3)

BILL OF EXCHANGE

No.: 1020/NH

Hanoi, 20th of December 2007

For: USD 1,000.00

At 90 days sight of this **first** Bill of Exchange (second of the same tenor and date being unpaid) Pay to the order of BANK FOR FOREIGN TRADE OF VIETNAM the sum of United State Dollars one thousand only.

Drawn under: Citibank New York (as Issuing Bank)

irrevacable L/C No: 243HD/XZ

wired 12th of November 2007

**To: XYZ Co., 32 High Street
New York, USA (as Applicant)**

Export Company 12 Ngo Quyen, Hanoi
Manager

@ ĐÚNG - SAI? (4)

BILL OF EXCHANGE

No.: 1020/NH

New York, 20th of December 2007

For: USD 1,000.00

At 90 days sight of this **first** Bill of Exchange (second of the same tenor and date being unpaid) Pay to the order of CITIBANK NEW YORK, USA the sum of United State Dollars one thousand only.

Drawn under L/C No: 243HD/XZ

wired 12th of November 2007

Issued by Bank for Foreign Trade of Vietnam. HO

**To: Bank for Foreign Trade
of Vietnam. HO**

**Brather Ltd., New York
Manager**

@ ĐÚNG - SAI? (5)

DRAFT

No.: 1020/NH

New York, 20th of December 2007

For: USD 1,000.00

At 90 days sight of this **first** Bill of Exchange (second of the same tenor and date being unpaid) Pay to the order of CITIBANK NEW YORK, USA the sum of United State Dollars one thousand only.

Drawn under L/C No: 243HD/XZ

wired 12th of November 2007

Issued by Bank for Foreign Trade of Vietnam. HO

**To: Standard Charter Bank, Hanoi
of Vietnam. HO
(as Confirming Bank)**

**Brather Ltd, New York
Manager**

@ ĐÚNG - SAI? (6)

DRAFT

No.: 1020/NH

New York, 20th of December 2007

For: USD 1,000.00

At 90 days sight of this **first** Bill of Exchange (second of the same tenor and date being unpaid) Pay to the order of CITIBANK NEW YORK, USA the sum of one thousand United State Dollars only.

*Value received as per our invoice(s) No(s): 243HD/XZ
dated 12th of November 2007*

To: Bank for Foreign Trade
of Vietnam HO
(as Collecting Bank)

Brather Ltd, New York
Manager

2. HỒI PHIẾU ĐÒI NỢ – Các đặc điểm

2.4. Các đặc điểm của hồi phiếu

1/ *Tính trừu tượng của hồi phiếu (tính độc lập của khoản nợ ghi trên hồi phiếu).*

- Không cần nêu nguyên nhân lập B/E.
- Độc lập với hợp đồng cơ sở.
- Hiệu lực pháp lý không phụ thuộc nguyên nhân sinh ra B/E (vì nó được điều chỉnh theo luật hồi phiếu).
- Trừu tượng → bị lạm dụng PH khổng (cấm).

2. HỒI PHIẾU ĐÒI NỢ – Các đặc điểm

2/ Tính bắt buộc trả tiền của B/E:

- Việc trả tiền không được kèm theo ĐK.
- Người ký phát phải có trách nhiệm với người được chuyển nhượng, nếu B/E không được thanh toán.
- Ví dụ:

3/ Tính lưu thông của B/E:

Thanh toán, chiết khấu, chuyển nhượng, cầm cố....

@ Điều kiện để một B/E được lưu thông thông?

2. HỒI PHIẾU ĐÒI NỢ – Phân loại

2.5. Phân loại B/E:

a/ Căn cứ vào thời hạn thanh toán:

- **B/E** trả tiền ngay (at sight bill, on demand bill).
 - **B/E** có kỳ hạn (usance bill, time bill).
 - + Kể từ ngày ký phát B/E
 - + Kể từ ngày ký chấp nhận
 - + Kể từ ngày vận đơn
 - + Một ngày cụ thể tương lai
- XT để chấp nhận là bắt buộc với mọi B/E?

2. HỒI PHIẾU ĐÒI NỢ – Phân loại

b/ Căn cứ vào chứng từ kèm theo:

- **B/E** trơn (Clean bill).
- **B/E** kèm chứng từ (Documentary bill):
 - + D/P at Sight; + D/P x days Sight; + D/A.

c/ Căn cứ vào tính chuyển nhượng:

- **B/E** đích danh (Nominal bill)
- **B/E** vô danh (bear bill)
- **B/E** chuyển nhượng theo lệnh (to order bill)

2. HỒI PHIẾU ĐÒI NỢ – Phân loại

d/ Căn cứ vào người ký phát B/E :

- **B/E** thương mại (trade or commercial bill).
- **B/E** ngân hàng (bank bill).

e/ Căn cứ vào trạng thái chấp nhận:

- **B/E** chưa được ký chấp nhận.
- **B/E** đã được ký chấp nhận.
 - . Chấp nhận thương mại (trade acceptance).
 - . Chấp nhận ngân hàng (bank acceptance)

2. HỒI PHIẾU ĐÒI NỢ – Phân loại

f/ Căn cứ vào loại tiền ghi trên B/E :

- **B/E** nội tệ: ghi bằng nội tệ tại địa điểm TT.
- **B/E** ngoại tệ: ghi bằng ngoại tệ tại địa điểm TT.

g/ Căn cứ vào cơ sở hình thành B/E:

- B/E thực
- B/E khống.

h/ Căn cứ vào không gian lưu thông B/E:

- B/E nội địa.
- B/E quốc tế.

2. HỒI PHIẾU ĐÒI NỢ – Nghiệp vụ

2.6. Các nghiệp vụ liên quan đến B/E

1/ Phát hành B/E:

- Người phát hành?
- Phát hành phải đúng luật.
- Trách nhiệm TT của người PH.

2/ Chấp nhận B/E:

- B/E luôn phải được ký chấp nhận?
- Ngày tháng ký chấp nhận luôn phải thể hiện?

2. HỎI PHIẾU ĐÒI NỢ – Nghiệp vụ

- Hình thức chấp nhận? (trực tiếp or gián tiếp).
- Có thể chỉ chấp nhận một phần?
- Chấp nhận có được kèm điều kiện?

3/ Chuyển nhượng B/E:

- Có phải B/E nào cũng có thể chuyển nhượng?
- Hình thức chuyển nhượng? (ký hậu và trao tay).
- Tính chất pháp lý của ký hậu?
- Ký hậu có thể kèm theo điều kiện?

2. HỎI PHIẾU ĐÒI NỢ – Nghiệp vụ

- Có thể chuyển nhượng B/E cho từ 2 người trở lên?
- Có thể chỉ chuyển nhượng một phần giá trị B/E?
- Có thể chuyển nhượng B/E cho Acceptor, Drawer, prior endorsers?
- Các loại ký hậu?
 - + Blank Endorsement.
 - + To Order Endorsement.
 - + Restrictive Endorsement.
 - + Without Recourse Endorsement.

2. HỒI PHIẾU ĐÒI NỢ – Nghiệp vụ

4/ Bảo lãnh B/E – Aval:

- Bảo lãnh B/E là gì?
- Những ai là người được bảo lãnh?
- Hình thức Bảo Lãnh:
 - + Ghi trên B/E (trước or sau) nội dung: Cụm từ “Bảo lãnh”, số tiền, chữ ký, tên, địa chỉ của người bảo lãnh, và tên người được bảo lãnh. Nếu không ghi tên người được bảo lãnh thì đó là bảo lãnh cho người ký phát.
 - + Bảo lãnh mật?

2. HỎI PHIẾU ĐÒI NỢ – Nghiệp vụ

- Nếu Drawer hoặc Drawee ký với tư cách là người bảo lãnh thì có được chấp nhận?
- Thường người nào đứng ra bảo lãnh?

5/ Giải trái – Discharge:

- Giải trái B/E là gì?
- Các trường hợp giải trái? (Drawee TT B/E đầy đủ và đúng hạn, Acceptor là người cầm phiếu khi đến hạn, B/E quá hạn TT theo PL, Holder tuyên bố từ bỏ B/E, Drawee TT B/E trước khi đến hạn).

3. HỒI PHIẾU NHẬN NỢ (KỶ PHIẾU) – Khái niệm

- **3.1. Khái niệm**

- *Kỳ phiếu là một cam kết trả tiền vô điều kiện do người lập phiếu ký phát **hứa** trả một số tiền nhất định cho một người khác, hoặc trả theo lệnh của người này hoặc trả cho người cầm phiếu.*
- - Thuật ngữ: + Tiếng Anh? + Tiếng Việt?
- - Có thể coi kỳ phiếu như một B/E đó được chấp nhận?

3. HỒI PHIẾU NHẬN NỢ – Mu

PROMISSORY NOTE (1)	
No:.....	
For:..... (2), (6)
At.... (3)sight of this Promissory note, we promise (2) to pay to the order of..... (5)the sum of (2)	
Place of payment:	(name and address of Issuer)
..... (4)(signature).....
.....	(7)

3. HỒI PHIẾU NHẬN NỢ – Nội dung bắt buộc

3.1. Nội dung bắt buộc của kỳ phiếu:

- (1) Tiêu đề “Kỳ phiếu” được ghi trên mặt trước.
- (2) Lời hứa vô ĐK trả một số tiền nhất định.
- (3) Thời hạn trả tiền.
- (4) Địa điểm trả tiền.
- (5) Người thụ hưởng.
- (6) Ngày và nơi ký phát.
- (7) Chữ ký của người ký phát.

3. HỒI PHIẾU NHẬN NỢ – Nội dung bắt buộc

Note:

*/ Nếu thiếu một trong các yếu tố trên sẽ không có giá trị, trừ các trường hợp:

- Không ghi địa điểm TT, thì lấy địa chỉ người ký phát.
- Không ghi địa điểm PH, thì lấy địa chỉ người ký phát.

3. HỒI PHIẾU NHẬN NỢ– Nghĩa vụ người PH

3.3. Nghĩa vụ người phát hành: là TT khi đến hạn.

Hoàn thành việc TT:

- Người phát hành sở hữu KP khi đến hạn.
 - Người phát hành đã TT cho người thụ hưởng.
 - Người thụ hưởng hủy bỏ KP.
- ➔ Tại sao kỳ phiếu ít được sử dụng?

3. HỒI PHIẾU NHẬN NỢ – Mẫu

PROMISSORY NOTE

No.: 095576/BH

For: USD 1,000.00

New York, 20th of December 2007

On the 20th of December 2008 fixed of this Promissory note,
we promise to pay to the order of HOANGLONG EXPORT- IMPORT
COMPANY IN HANOI, VIETNAM

the sum of UNITED STATE DOLLARS ONE THOUSAND ONLY.

Place of payment:
CITIBANK NEW YORK

For and on behalf of
Sister and Brother Company Ltd.,
New Street, New York, USA
(signature)

4. SÉC

4.1. Sự hình thành và phát

- ULC 1931 - UN 1982 - VN 1/7/2006.

4.2. Khái niệm:

Séc là một tờ mệnh lệnh vô ĐK do một người (chủ TK) ra lệnh cho ngân hàng trích từ TK của mình một số tiền xác định để trả cho người được chỉ định trên séc, hoặc trả theo lịch của người này, hoặc trả cho người cầm séc.

4. SÉC

4.3. Hình thức:

- + Bằng văn bản, gồm hai phần (cuống séc và phần séc).
- + Mặt trước in sẵn các nội dung của séc, mặt sau để ghi các nghiệp vụ về séc.

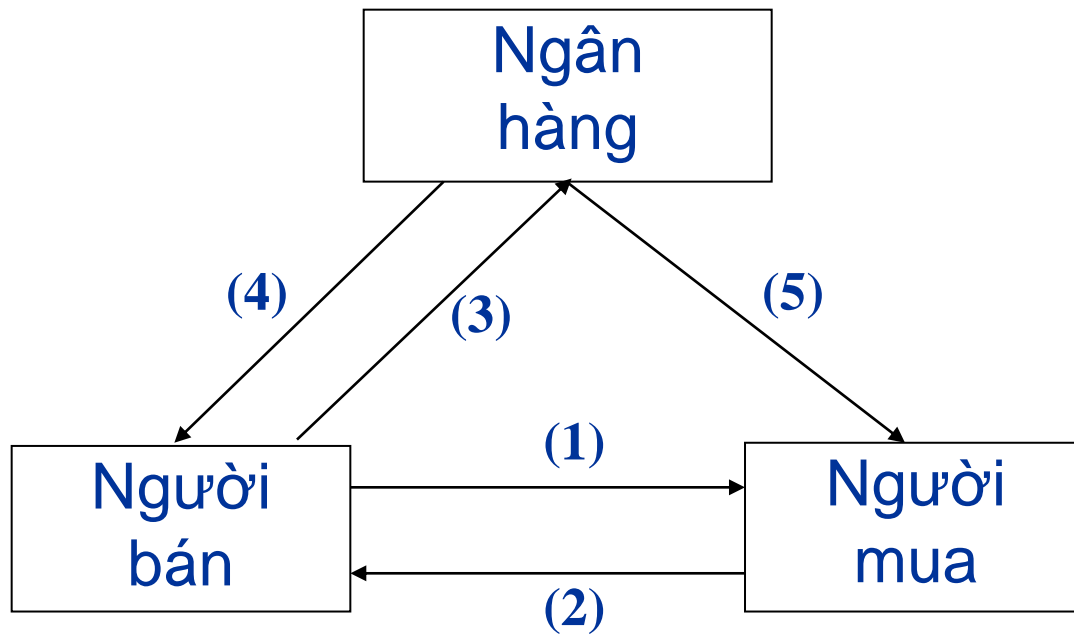
4.4. Các bên tham gia:

- + Người ký phát.
- + Người trả tiền.
- + Người thụ hưởng

4. SÉC

4.5. Sơ đồ TT séc:

a/ Séc lưu thông qua một NH:

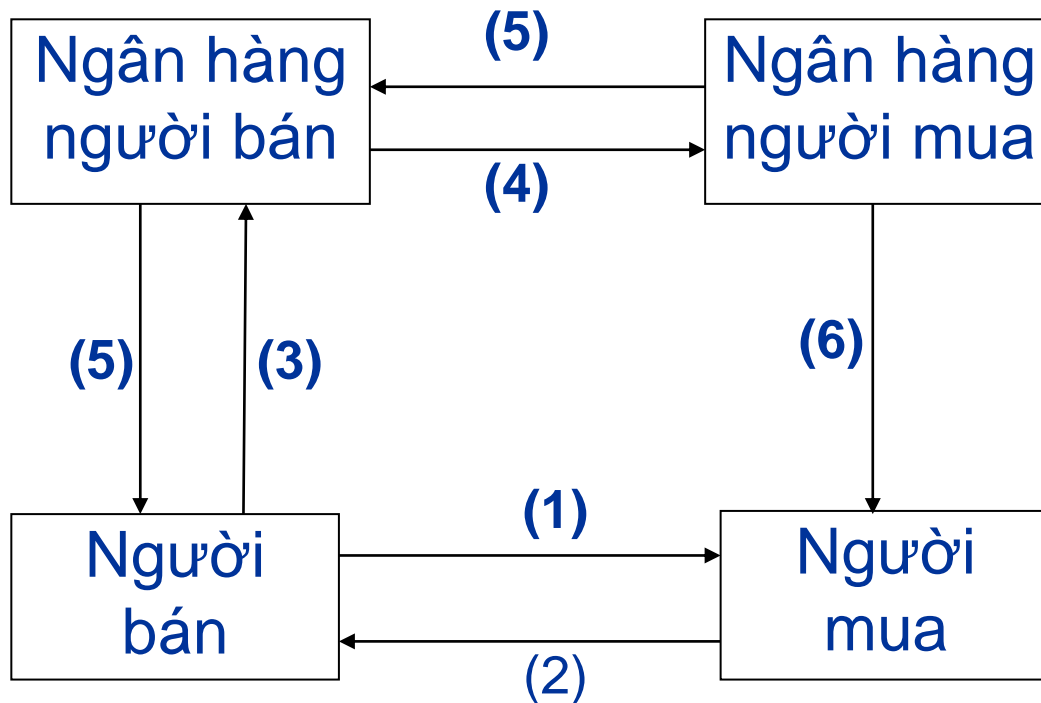


Trong đó:

- (1) Giao hàng và bộ chứng từ.
- (2) Phát hành séc thanh toán.
- (3) Đến NH lĩnh tiền séc.
- (4) Gửi báo có cho người bán.
- (5) Gửi báo nợ cho người mua.

4. SÉC

b/ Séc lưu thông qua hai NH:



Trong đó:

- (1) Giao hàng và bộ chứng từ.
- (2) Phát hành séc thanh toán.
- (3) Nhờ ngân hàng thu hộ séc.
- (4) Thu tiền.
- (5) Gửi báo có cho người bán.
- (6) Gửi báo nợ cho người mua.

4. SÉC

4.6. Nội dung bắt buộc của tờ séc:

- Tiêu đề “Séc”.
- Lệnh trả tiền vô ĐK một số tiền nhất định.
- + ULB (điều 9); VN (khoản 6, điều 58); ISBP (điều 52)
- Tên NH bị ký phát.
- Tên người hưởng, hoặc cho người cầm.
- Địa điểm thanh toán.
- Ngày và nơi ký phát.
- Tên và chữ ký của người ký phát.

4. SÉC

4.7. Các yếu tố bị cấm:

- Điều kiện trả tiền (nếu có ghi thì coi như không có).
- Chấp nhận (nếu có quy định thì coi như không có).
- Tiền lãi (nếu có quy định thì coi như không có).
- Kỳ hạn trả tiền (nếu có quy định thì coi như không có).
- Miễn trừ bảo đảm trả tiền (mọi điều khoản miễn trừ TT cho người ký phát coi như không có).

4. SÉC

4.8. Các loại séc

a/ Séc đích danh (nominal check):

- Không chuyển nhượng.
- Được chuyển nhượng.

b/ Séc vô danh (Bear check):

- Người ký phát ghi “trả cho người cầm”.
- Ký hậu để trống (ký hậu cho người cầm).

c/ Séc theo lệnh (Check to Order).

4. SÉC

d/ Séc gạch chéo (Crossed check):

Người ký phát hay người cầm có thể gạch chéo tờ séc bằng hai gạch chéo song song theo hai hình thức:

- Gạch chéo thường (General crossed Check): Giữa hai gạch chéo để trống hoặc ghi chung chung “Ngân hàng”. NH trả tiền chỉ TT tiền cho NH hoặc cho khách hàng của mình.

4. SÉC

- Gạch chéo đặc biệt (Special crossed Check): Giữa hai gạch chéo ghi tên một Ngân hàng đích danh. NH trả tiền chỉ TT tiền cho NH có tên trên tờ séc hoặc cho KH của NH này.

*/ Séc gạch chéo thường có thể chuyển thành séc gạch chéo đặc biệt. Ngược lại thì không.

4. SÉC

e/ Séc chuyển khoản và séc tiền mặt:

- Người ký phát hay người cầm séc nếu muốn tờ séc chỉ được TT bằng chuyển khoản thì ghi câu: “ trả vào TK”.
- Nếu tờ séc không ghi câu: “trả vào tài khoản” thì NH có thể TT bằng TM.

f/ Séc du lịch (traveller's check):

g/ Séc bảo chi (certified check):

HẾT